

THỦ TƯỚNG CHÍNH  
PHỦ  
Số: 26/2008/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*Hà Nội, ngày 5 tháng 2 năm 2008*

## QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội  
đối với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 3263/TTr-BKH ngày 14 tháng  
5 năm 2007,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với  
các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 (gồm thành phố  
Cần Thơ và các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng  
Tháp, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau) như sau:

1. Một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010:

- Tốc độ tăng trưởng GDP của Vùng đạt bình quân hàng năm trên 11%.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) 10 - 11%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 20%.
- Học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt trên 95%, học sinh trung học cơ sở đạt trên 85%, học sinh trung học phổ thông đạt trên 50%, 100% số trường, lớp được kiên cố hoá, trên 70% trường, lớp đạt chuẩn quốc gia. Tuyển sinh trung học chuyên nghiệp tăng hàng năm trên 20%, nâng tỷ lệ sinh viên đại học và cao đẳng lên 120 sinh viên/vạn dân.
- Tỷ lệ lao động được đào tạo chiếm khoảng 38 - 40%.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 90%, số trạm y tế xã có bác sĩ là 80%.
- Tỷ lệ dân thành thị được sử dụng nước sạch đạt 90% và nông thôn đạt 75%.

## 2. Nhiệm vụ trọng tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu

### a) Ngành công nghiệp

Phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng ưu tiên công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực cho xuất khẩu. Khai thác tiềm năng khí ở vùng biển Tây Nam để phát triển công nghiệp khí - điện - đạm; đảm bảo tiến độ xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy điện sử dụng khí trong Vùng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy đạm Cà Mau. Phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ nông, ngư nghiệp và đóng tàu. Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng như xi măng, gạch ngói, cấu kiện bê tông đúc sẵn cho xây dựng nhà ở trong Vùng.

### b) Ngành nông, lâm, thủy sản

Giữ ổn định diện tích đất trồng lúa có điều kiện thủy lợi để thâm canh tăng năng suất; đưa vào trồng đại trà các giống lúa có chất lượng cao dành cho xuất khẩu. Phát triển mạnh trồng cây ăn quả, rau và hoa, cây cảnh ở những nơi có điều kiện, hình thành vùng chuyên canh cây ăn quả, hoa, cây cảnh có giá trị xuất khẩu.

Phát triển nuôi trồng thủy sản, tạo ra những vùng sản xuất hàng hoá có sản lượng lớn cho xuất khẩu; phấn đấu đến năm 2010, tổng sản lượng thủy, hải sản toàn vùng đạt khoảng trên 2,2 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi chiếm trên 60%. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng vùng sản xuất giống thủy, hải sản quy mô lớn, chất lượng cao.

Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn ven biển, rừng nguyên sinh Phú Quốc; khôi phục và trồng mới rừng tràm ở những nơi đất trũng, chua phèn vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau; trồng rừng phòng hộ ven biển; trồng cây chắn sóng ở các vùng ngập lũ, ven sông, kênh rạch, các cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ.

### c) Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Mở rộng mạng lưới thương mại để tiêu thụ hàng hoá nông sản. Phát triển các chợ đầu mối, chợ đường biên với Campuchia. Phấn đấu đến năm 2010 tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ toàn Vùng đạt gấp 2 lần năm 2005. Đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản, nông sản, các loại hoa, quả; nâng cao chất lượng giống lúa và kỹ

thuật thu hoạch chế biến để nâng giá trị xuất khẩu gạo. Đến năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đạt khoảng 6,2 - 6,5 tỷ USD, trong đó xuất khẩu thủy, hải sản đạt trên 2,2 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt trên 350 USD/người/năm.

Đối với việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá nông, lâm, thủy sản, từng bước thực hiện theo cơ chế tổ chức liên kết và ký kết hợp đồng mua - bán sản phẩm giữa hộ nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp, trên cơ sở thỏa thuận, đôi bên cùng có lợi, với các phương thức thích hợp. Phấn đấu đến năm 2010, có trên 60% số hộ nông dân được sản xuất và tiêu thụ hàng hoá theo hợp đồng, có địa chỉ tiêu thụ rõ ràng; cũng qua đó, các doanh nghiệp chế biến và doanh nghiệp thương mại có nguồn hàng hoá ổn định cho sản xuất và kinh doanh.

Mở rộng các loại hình tổ chức như hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, câu lạc bộ, hội nghề nghiệp để hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hình thành các hiệp hội tương trợ nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thông tin kịp thời thị trường, giá cả, bảo vệ quyền lợi người sản xuất, kinh doanh. Xây dựng các giải pháp cho từng ngành, từng lĩnh vực về nâng cao chất lượng sản phẩm, xúc tiến thương mại, xây dựng và bảo vệ thương hiệu, tạo lập thị trường ổn định, bền vững.

Phát triển du lịch nhằm khai thác tiềm năng đặc thù của Vùng, xây dựng các khu du lịch vui chơi giải trí tổng hợp, gắn du lịch sinh thái với thắng cảnh, di tích lịch sử; phát triển du lịch vùng rừng ngập mặn Cà Mau, vùng Đồng Tháp Mười; phát triển du lịch biển đảo, tập trung phát triển du lịch đảo Phú Quốc.

Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ giáo dục, y tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn.

d) Các lĩnh vực giáo dục, văn hoá - xã hội:

Nâng cao dân trí, đẩy mạnh xã hội liên ngành, giáo dục, nhất là giáo dục đại học, cao đẳng và dạy nghề. Nâng cấp và thành lập mới một số trường đại học, cao đẳng.

Tăng cường công tác đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật. Xây dựng một số viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ có trình độ cao, trước hết là công nghệ sinh học phục vụ cho Vùng.

- Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và giảm áp lực cho tuyến trên; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hiện đại hoá các bệnh viện chuyên khoa ở thành phố Cần Thơ phục vụ cho cả Vùng. Xây dựng và nâng cấp các bệnh viện ở tuyến huyện, các trạm xá ở cơ sở. Nâng cấp các trung tâm cai nghiện ở các địa bàn trọng điểm gắn với dạy nghề cho đối tượng sau cai nghiện. Tập trung phòng, chống kịp thời các dịch bệnh; khống chế tốc độ tăng và tiến tới giảm dần các bệnh xã hội, đặc biệt là HIV/AIDS và một số bệnh truyền nhiễm khác. 100% thôn, xóm có nhân viên y tế, nâng số giường bệnh đạt trên 20 giường/vạn dân;

- Phát triển và bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc. Xây dựng hoàn chỉnh các trung tâm văn hoá - thông tin cấp tỉnh, xây dựng và nâng cấp các đài phát thanh - truyền hình địa phương, cải tạo và xây dựng các trạm truyền thanh ở cơ sở (ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc), mở rộng chương trình và tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng Khmer;

- Đến năm 2010, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị dưới 5%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 85%, trong đó qua đào tạo nghề có bằng cấp từ công nhân kỹ thuật trở lên chiếm trên 15%; tuổi thọ bình quân đạt 72 tuổi.

đ) Khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường: ưu tiên phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, các trạm, trại giống cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Đến năm 2010, đưa 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, bảo đảm xử lý chất thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

Cơ bản hoàn thành việc cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải ở các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất. Đảm bảo trên 40% các khu đô thị và trên 80% số khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung

đạt tiêu chuẩn về môi trường, trên 90% chất thải rắn được thu gom, trên 60% chất thải nguy hại và 100% chất thải bệnh viện được xử lý.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng và hợp tác quốc tế với các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ để phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước sông Mê Kông.

e) Phát triển nguồn nhân lực:

- Triển khai Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về "Phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010". Đây là nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bằng sông Cửu Long trong những năm tới;

- Phát triển nguồn nhân lực phải được làm đồng bộ từ nâng cao dân trí, tăng số lượng và nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp, phát triển các hình thức đào tạo ngành nghề phong phú, phù hợp với từng đối tượng, từng ngành nghề cần phát triển ở mỗi địa phương, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ doanh nhân có năng lực và có cơ chế, chính sách thoả đáng để thu hút nhân tài, cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ cao. Thường xuyên bổ sung và có chính sách sử dụng hiệu quả cán bộ của cơ quan, doanh nghiệp trung ương đóng trên địa bàn tăng cường cho tỉnh, huyện và lấy cán bộ huyện tăng cường cho xã; thực hiện luân chuyển cán bộ nông cốt.

Hàng năm ngân sách địa phương dành một tỷ lệ nhất định cho đào tạo nghề, khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo nghề, cho vay vốn, tạo điều kiện để học sinh nghèo có điều kiện được học nghề.

Xây dựng hoàn thiện cơ cấu hệ thống đào tạo ngành nghề theo hướng đào tạo lao động kỹ thuật thực hành ở các cấp độ và thời gian đào tạo khác nhau (công nhân kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân kỹ thuật trình độ cao) để thu hút số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, bộ đội xuất ngũ vào học.

Tổ chức hình thức đào tạo đa dạng với nhiều mô hình thích hợp. Khuyến khích xã hội hoá công tác đào tạo nghề. Chú ý gắn kết chặt chẽ giữa việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người học nghề sau khi ra trường.